TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG ĐIỀN** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 5 - 2020.
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Quý.

2. Ông Nguyễn Văn Quyền.

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Phương Loan - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Võ Văn C, sinh ngày: 14/6/1988; Nơi đăng ký NKTT: thôn H Đ, xã P H, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế (có mặt).

Bị đơn:, Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày: 20/11/1991; Nơi đăng ký NKTT: thôn H Đ, xã P H, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã A T, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 25/11/2019, bản tự khai ngày 27/12/2019 và các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Võ Văn C trình bày các vấn đề yêu cầu giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Văn C và chị Nguyễn Thị H tự tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã P H, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 03/6/2010. Sau khi kết hôn, hai anh chị vào thành phố Hồ Chí Minh làm ăn, sinh sống. Đến năm 2017 thì trở về quê và sinh sống tại gia đình chồng ở thôn H Đ, xã P H, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Trong thời gian ở quê, vợ chồng luôn mâu thuẫn, chị Hiền không tôn trọng và không còn quan tâm đến cuộc sống gia

đình, đến ngày 24/11/2018 chị H bỏ vào Nam sinh sống, mặc dù anh C đã nhiều lần liên hệ để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng chị H không quay về với gia đình chồng con, nên anh C yêu cầu được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh C, chị H có 02 người con là Võ Thị Như Y, sinh ngày 07/5/2011 và Võ Văn Hoàng V, sinh ngày: 08/01/2014, hiện các cháu đang sống với anh C. Nếu vợ chồng ly hôn, anh C yêu cầu Tòa án tiếp tục giao cả hai con cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh C không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh C không yêu cầu giải quyết.

- Về bị đơn: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án chị Nguyễn Thị H có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt do điều kiện ở xa và kinh tế khó khăn. Do đó, vụ án không thể tiến hành hòa giải được. Nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn Nguyễn Thị H xin xét xử vắng mặt.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho anh Võ Văn C được ly hôn chị Nguyễn Thị H; Về con chung, tiếp tục giao hai cháu Võ Thị Như Y, sinh ngày 07/5/2011 và Võ Văn Hoàng V, sinh ngày: 08/01/2014 cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Do anh C không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét; Về tài sản chung nợ chung anh C không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí ly hôn anh C phải chịu theo quy định pháp luật..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Võ Văn C và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại Uỷ ban Nhân dân xã P H, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 03/6/2010. Điều kiện và thủ tục đăng ký kết hôn đúng quy định tại Điều 8; Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định.

Quá trình giải quyết vụ án chị H có đơn xin vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 207; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về đánh giá chứng cứ: Sau khi Tòa án thụ lý, vào ngày 30/12/2019 chị H đã có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án không thể tiến hành hòa giải. Qua đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt chị H thể hiện ý chí xin được ly hôn với anh C và

giao cả hai người con chung là cháu Võ Thị Như Y, sinh ngày 07/5/2011 và Võ Văn Hoàng V, sinh ngày: 08/01/2014 cho anh Võ Văn C tiếp tục nuôi dưỡng.

[2] Xét tình trạng hôn nhân của anh C, chị H: Sau khi kết hôn, hai anh chị vào thành phố Hồ Chí Minh làm ăn, sinh sống. Đến năm 2017 thì trở về quê và sinh sống tại gia đình chồng ở thôn H Đ, xã P H, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Trong thời gian ở quê, vợ chồng luôn mâu thuẫn, chị H không tôn trọng và không còn quan tâm đến cuộc sống gia đình, đến ngày 24/11/2018 chị H bỏ vào Nam sinh sống, mặc dù anh C đã nhiều lần liên hệ để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng chị H không quay về với gia đình chồng con. Do đó tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài nếu có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được, nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình cho anh C được ly hôn với chị H.

[3] Về con chung: Anh C, chị H có 02 người con chung là cháu Võ Thị Như Y, sinh ngày 07/5/2011 và Võ Văn Hoàng V, sinh ngày: 08/01/2014. Hiện cả hai cháu đang được anh C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng ổn định. Nghĩ nên giao cho anh C tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng đến khi các cháu tròn 18 tuổi là phù hợp với quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh Võ Văn C không yêu cầu chị H đóng góp cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh C không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét. Tuy nhiên đây mới chỉ là lời khai của một phía vì vậy nếu sau này có phát sinh sẽ giải quyết thành vụ kiện độc lập.

[5] Về án phí: Buộc anh Võ Văn C phải chịu số tiền án phí giải quyết ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 008516 ngày 27/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền. Anh C đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 207; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là anh Võ Văn C, cho anh Võ Văn C được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Giao hai cháu Võ Thị Như Y, sinh ngày 07/5/2011 và Võ Văn Hoàng V, sinh ngày: 08/01/2014 cho anh Võ Văn C tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Võ Văn C phải chịu số tiền án phí giải quyết ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 008516 ngày 27/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền. Anh C đã nộp đủ án phí.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- THADS huyện Phong Điền;
- Các đương sự;
- UBND xã P H;
- Lưu: HSVA;
- Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Nguyễn Văn Đạt